

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS- ST

Ngày 13 tháng 01 năm 2025

“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hà, ông Bùi Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 112/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Trung S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. (*có mặt*)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đường N, tổ dân phố T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

(*vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2024, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Trung S trình bày:

Bà Phạm Thị Thúy T1 là vợ cũ của ông. Ông và bà T1 đã ly hôn theo quyết định số 23/2022/QĐCN – HGT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian còn là vợ chồng, ông và bà T1 có cùng vay nợ ngân hàng TMCP Q số tiền 600.000.000đ theo

Hợp đồng vay tín dụng số 786135522 ngày 05/5/2022 với ngân hàng TMCP Q (V) để vay số tiền 600.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông bà số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, ông có sử dụng 300.000.000 đồng còn bà T1 sử dụng 300.000.000 đồng. Đây là khoản nợ chung của cả hai ông bà. Vì vậy, ông chịu trách nhiệm trả 300.000.000 đồng còn bà T1 chịu trách nhiệm trả nợ 300.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T1 còn mở thẻ tín dụng và còn nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Q số tiền 50.000.000 đồng. Khi các khoản vay trên đến hạn, ông là người đứng ra tất toán toàn bộ khoản nợ chung 600.000.000 đồng nói trên và trả hộ bà T1 số tiền nợ thẻ tín dụng 50.000.000 đồng. Vì vậy, khoản nợ của ông bà trong thời kỳ hôn nhân tại Ngân hàng TMCP Q trong thời kỳ hôn nhân của hai vợ chồng ông không còn. Sau khi trả nợ thay bà T1, ông có yêu cầu bà T1 phải trả lại cho ông số tiền 350.000.000 đồng nhưng bà T1 không đồng ý. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Thúy T1 phải trả lại cho ông số tiền 350.000.000 đồng và ông không yêu cầu tính lãi. Ông yêu cầu bà T1 phải trả số tiền nêu trên trong thời hạn là 30 ngày kể từ ngày Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Thúy T1 vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 02/12/2024 đã trình bày:

Ông Bùi Trung S là chồng cũ của bà. Ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành số 23/2022/QĐCN-HGT ngày 11/05/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Thời điểm ông bà ly hôn, Tòa án chỉ giải quyết về vấn đề ly hôn và nuôi con chung, còn về quan hệ tài sản cả hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác nhận có cùng ông Bùi Trung S có ký Hợp đồng vay tín dụng số 786135522 ngày 05/5/2022 với ngân hàng TMCP Q (V) để vay số tiền 600.000.000 đồng. Khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân khi còn là vợ chồng, hai người cùng vay nên là khoản vay chung của bà và ông S. Ngân hàng đã giải ngân cho cả hai ông bà số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, bà có sử dụng 300.000.000 đồng còn ông S sử dụng 300.000.000 đồng. Sau đó, ông S đã một mình đã tất toán khoản vay nói trên, thời gian cụ thể như thế nào thì bà

không nắm rõ vì ông Sỹ T2 thực hiện thủ tục tắt toán với ngân hàng. Vì thế hồ sơ gốc bao gồm có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà là Phạm Thị Thúy T1 thì ông Bùi Trung S vẫn đang giữ. Quan điểm của bà là ông S đã trả nợ chung số tiền 600.000.000 đồng thì bà đồng ý trả lại cho ông S 300.000.000 đồng còn ông S phải tự chịu trách nhiệm trả số tiền 300.000.000 đồng.

Ngoài khoản vay nói trên, bà có một khoản nợ thẻ tín dụng tại VIB số tiền 50.000.000 đồng. Ông S đã trả khoản nợ này cho ngân hàng cùng thời điểm tắt toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng nói trên. Số tiền này bà cũng đồng ý trả lại cho ông S.

Bà khẳng định chỉ có trách nhiệm trả cho ông S tổng số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Bà đồng ý trả cho ông S số tiền là 350.000.000 đồng với điều kiện ông S phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và cho bà trả dần số tiền nêu trên do thu nhập của bà hiện tại không cao, không có tài sản gì khác. Mỗi tháng, bà sẽ trả cho ông S số tiền là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ từ khi có quyết định, bản án có hiệu lực của Tòa án.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã khởi kiện, các bên đương sự không giao nộp thêm các tài liệu, chứng cứ mới ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Bùi Trung S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Phạm Thị Thúy T1 địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc phải số tiền còn nợ 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.2 Về quan hệ tranh chấp:

Trong số tiền 350.000.000đ mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả phát sinh từ hợp đồng tín dụng mà ông Bùi Trung S, bà Phạm Thị Thúy T1 đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q trong thời kỳ hôn nhân và thẻ tín dụng cá nhân của bà T1. Sau đó, ông S đã một mình tất toán toàn bộ khoản vay chung và nợ thẻ tín dụng riêng của bà T1 do đó nội dung yêu cầu này thuộc quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản.

1.3 Về việc vắng mặt bị đơn: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Trung S có mặt; bị đơn bà Phạm Thị Thúy T1 vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Thúy T1 đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Với các tài liệu, chứng cứ bên nguyên đơn ông Bùi Trung S xuất trình và tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 05/5/2022, ông Nguyễn Trung S1 và bà Phạm Thị Thúy T1 cùng nhau ký hợp đồng số 786135522 vay số tiền là 6 00.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Q. Ngoài ra, bà Phạm Thị Thúy T1 mở thẻ tín dụng cá nhân với hạn mức là 50.000.000 đồng để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu cho cá nhân bà T1. Sau khi được Ngân hàng giải ngân số tiền nêu trên, ông Bùi Trung S đã sử dụng số tiền là 300.000.000 đồng và bà Phạm Thị Thúy T1 sử dụng số tiền là 3 00.000.000 đồng, chi tiêu hết số tiền trong hạn mức của thẻ tín dụng. Hết hạn Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Bùi Trung S đã tự tất toán khoản vay chung và thanh toán nợ thẻ tín dụng của bà T1.

Sau khi thanh toán xong các khoản nợ, ông Bùi Trung S đã nhiều lần liên hệ với bà T1 để yêu cầu bà T1 trả số tiền 350.000.000 đồng nhưng bà T1 không phản hồi gì.

Như vậy, vấn đề cần xem xét, đánh giá việc đòi tiền của nguyên đơn ông Bùi Trung S đã căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng tín dụng đã ký kết và tất toán tại Ngân hàng TMCP Q và sự thừa nhận của bị đơn về khoản nợ vay nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đến nay bà T1 không trả tiền nợ số tiền 350.000.000 đồng cho ông S đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn ông S đối với bị đơn bà T1 phải trả nợ số tiền 350.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.750.000 đồng.

Ông Bùi Trung S không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000 6066 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Buộc bà Phạm Thị Thúy T1 phải trả cho ông Bùi Trung S số tiền nợ 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và ông Bùi Quốc S2 có đơn đề nghị thi hành án, nếu bà Phạm Thị Thúy T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì còn phải chịu một khoản tiền lãi do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

Bà Phạm Thị Thúy T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Bùi Trung S không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006066 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên.

[3] Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Quang